HỌC VIỆN THÁNH GIUSE – DÒNG TÊN VIỆT NAM

Bộ môn: Ngôn Sứ
Giáo sư: Cao Gia An, S.J.

Thái Độ Phê Phán Trong Sách Amos, Một Chiều Kích Cần Thiết Trong Ơn Gọi Ngôn Sứ

Học viên thực hiện
Phaolo Đỗ Anh Tuấn, C.P.
Email: anhdoart@gmail.com.

Tháng 03 năm 2021

Nội Dung

Dẫn Nhập 1

Lối Suy Nghĩ Tân Thời Về Thái Độ Phê Phán Và Những Vấn Đề Của Nó 1

Tầm Nguyên Ý Nghĩa Của Thuật Ngữ 1

Sử Tính Của Thuật Ngữ 4

Các Đặc Điểm Và Vấn Đề Của Thái Độ Phê Phán Trong Lối Hiểu Tân Thời 6

Thái Độ Phê Phán Nơi Amos 7

Bối Cảnh Lịch Sử Văn Hoá Xã Hội Thời Amos 7

Tố Cáo Sự Bất Trung Của Dân Ít-Ra-En Với Thiên Chúa 10

Tố Cáo Sự Bất Công Xã Hội 13

Tái Khám Phá Tính Ngôn Sứ Của Thái Độ Phê Phán 18

Sống Thái Độ Phê Phán Trong Thời Đại Hôm Nay 20

Sự Phát Triển Kinh Tế Và Sự Bất Công Xã Hội 21

Sự Khủng Hoảng Của Giao Ước 23

Kết Luận 26

Thư Mục Tham Khảo 27

Dẫn Nhập

Khi đọc sách Amos, ta dễ dàng nhận ra một nét nổi bật trong nội dung của quyển sách, đó là những lời chỉ trích và phê phán. Dường như, Amos đã có một thái độ rất bất mãn với con người và xã hội thời bấy giờ. Điều này gợi lên cho người đọc những câu hỏi: Điều gì đã khiến ngôn sứ có thái độ bất mãn như thế? Thái độ đối nghịch này có ý nghĩa gì? Tại sao chúng ta tin rằng những lời chứa đầy thái độ bất mãn kia mang tính ngôn sứ? Phải chăng thái độ phê phán là một trong những chiều kích phải có của ơn gọi ngôn sứ? Trong phiên đoạn luận ngắn này qua việc tìm hiểu những lời phê phán trong sách Amos, người viết sẽ cho thấy rằng thái độ phê phán thực sự là một chiều kích phải có của ơn gọi ngôn sứ, và chiều kích ấy thật sự cần thiết trong xã hội hôm nay. Để có thể khám phá ra chiều kích này trong ơn gọi ngôn sứ, (1) đầu tiên người viết sẽ trình bày lối suy nghĩ của con người thời nay về thái độ phê phán bởi người viết cho rằng đặc tính ngôn sứ trong thái độ phê phán đã bị vùi lấp, hoặc ít nhất đã không được nhấn mạnh một cách đúng mức trong nếp suy nghĩ tân thời. (2) Qua việc đọc ngôn sứ Amos, người viết mong muốn tái khám phá đặc tính ngôn sứ của thái độ này. (3) Sau đó, người viết sẽ để thái độ phê phán mang tính ngôn sứ chất vấn và thách thức những lối suy nghĩ bàng quan, dửng dưng của Ki-tô hữu hiện đại hầu cung cấp những gợi hứng giúp người đọc phản tỉnh, tìm ra các lối suy nghĩ khác biệt, đa dạng và phong phú. Qua đó, ta có thể mở ra các chân trời mới để suy tư và hành động.

Lối Suy Nghĩ Tân Thời Về Thái Độ Phê Phán Và Những Vấn Đề Của Nó

Tầm Nguyên Ý Nghĩa Của Thuật Ngữ

Trong xã hội việt nam hiện nay, mặc dù đã có nhiều sự chuyển biến trong lối suy tư từ truyền thống sang lối suy tư tân thời, nhưng người ta vẫn e dè với thái độ phê phán. Nhiều

người quan niệm rằng phê phán là một thái độ bất mãn, đối nghịch, không tuân thủ các quy tắc, không theo chuẩn mực, cư xử tuỳ tiện hay "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"[1]. Trong một xã hội ổn định, thái độ phê phán còn được xem là thái độ bất tuân, gây rối, không có phép tắc gia phong, làm mất trật tự, thậm chí nhiều người còn gán ghép cho nó là thái độ đả phá, công kích, không mang tính xây dựng. Ta có thể nhận thấy lối suy nghĩ này vận hành rất rõ trong xã hội phong kiến Việt Nam, và được biến thái và duy trì trong lối sống của con người việt nam.[2] Theo quan niệm này, thì phê phán mang yếu tố cực kì tiêu cực. Câu hỏi đặt ra rằng liệu thái độ phê phán thực sự tiêu cực như ta nghĩ không? Để có thể trả lời câu hỏi, ta nên tầm nguyên ý nghĩa của thuật ngữ này, hầu khám phá ra những nội hàm rộng hơn của thuật ngữ. Theo từ điển phổ thông[3] phê bình hay phê phán có nghĩa là: nêu lên khuyết điểm để góp ý, để chê trách; hoặc vạch ra cái sai trái để tỏ ra thái độ không đồng tình hoặc lên án. Hai định nghĩa trên đều hàm ý rằng phê phán là việc đi tìm lỗi (fault-finding). Tuy nhiên, khi truy nguyên về gốc từ, phê phán không chỉ có nghĩa là tìm lỗi, nhưng còn có ý nghĩa khác. Phê phán được ghép từ hai chữ: Phê 批 có chứa bộ thủ (手) : nghĩa là cái tay. Động từ của nó có nghĩa là cầm, nắm vật gì đó. Điều này có thể hàm ý về một khả năng nắm bắt một vấn đề nào đó. Ví dụ, thuỷ thủ là người có khả năng hoạt động trên nước, người có khả năng cầm lái. Còn ý nghĩa tổng quát của thuật từ "phê" là phán đoán, phân sử.[4] Như vậy, theo ý người viết, "phê"

[1] Đây là hai thuật ngữ được dụng bởi "Đảng Cộng Sản" để kỉ luật giáo sư Chu Hảo khi ông "có những bài viết, phát ngôn trái với Cương lĩnh chính trị, Điều lệ đảng, nghị quyết, chỉ thị , quy định của đảng nhà nước". Xem, https://www.rfa.org/vietnamese/news/vietnamnews/professor-chu-hao-was-expelled-from-the-party-11152018075404.html. & https://vnexpress.net/ong-chu-hao-bi-khai-tru-dang-3839721.html. Truy cập ngày 15/04/2021

[2] Việt Nam từ nửa triều Trần cho tới nay bị ảnh hưởng bởi nho học. Mục đích chủ yếu của nho học là tu kỷ và trị nhân. Nho học từng bước thấm nhập vào Việt Nam, và dần hình thành nên một nền văn hoá vâng lời theo cấp bậc, ví dụ: quân, sư, phụ tam cương giả. Xem, Đào Duy Anh, *Việt Nam Văn Hoá Sử Cương*, 270- 305.

[3] Viện Ngôn Ngữ Học, *Từ Điển Tiếng Việt Phổ Thông*, (TPHCM: Nxb. Tp Hồ Chí Minh), 707.

[4]Xem, https://hvdic.thivien.net/whv/%E6%89%B9. Truy cập ngày 09/04/2021.

ám chỉ tới khả năng nắm bắt, phân sử và biện giải vấn đề cho rõ ràng; Còn phán 判 có chứa bộ đao (刀) với ý nghĩa tổng quát là phán quyết và cắt rẽ.[5] Theo đó, phán có nghĩa là dùng đao như là một công cụ sắc bén để phân chia sự việc ở hiện tại cho rõ ràng, rồi đưa ra những phán đoán cho tương lai. Như vậy, phê phán không chỉ là tìm lỗi, như là một quá trình nắm bắt, phân tích, đánh giá một vấn đề hay quan niệm nào đó một cách rõ ràng. Bên cạnh đó, hiện nay nhiều học giả cho rằng cái hiểu của con người bị điều kiện hoá bởi ngôn ngữ, các cấu trúc diễn ngôn (discourse) phức tạp, các hệ hình tri trức (Episteme). Chúng là những kiến tạo ngôn ngữ vô hình điều kiện hoá nhận thức của con người. Luôn tồn tại những cấu trúc ẩn tàng, vô hình làm cho một quan niệm của một thời đại trở nên hợp lý và quan niệm khác thì không. Các cấu trúc này, một mặt giúp ta có thể nhận thức thế giới, mặt khác chúng điều kiện hoá cách thức mà chúng ta nhìn thế giới. Như vậy, các lối nhận thức của con người trong một bối cảnh văn hoá có thể tồn tại những bất ổn, bởi chúng có thể loại trừ những khác biệt (others) khỏi trường nhận thức của chúng.[6] Cho nên, chúng ta cần cảnh giác đối với các lối nhận thức của thời đại. Ví dụ vào những thế kỉ trước dưới sự hậu thuẫn của phong trào ánh sáng, ở phương Tây người ta tuyên truyền một lối suy nghĩ rằng người phương Tây ra đi để khai sáng các nước thuộc địa. Nhờ đó, người ta đã hợp thức hoá chủ nghĩa thực dân. Cả một thế hệ tin rằng việc đi khai thác các nước thuộc địa là một hành động nhân đạo, mang ánh sáng văn minh tới các vùng xa xôi hẻo lãnh. Ngay Giáo hội của chúng ta ít nhiều cũng đã bị điều kiện hoá bởi lối suy nghĩ này. Thực vậy để hợp thức hoá diễn ngôn khai sáng này, người ta phải loại bỏ nhưng yếu tố khác ra

[5] Xem, https://hvdic.thivien.net/whv/%E5%88%A4. Truy cập 09/04/2021.

[6] Thay vì gọi nó là cấu trúc ngầm ẩn, Michel Foucault gọi nó diễn ngôn. Diễn ngôn có thể là tập hợp các phát ngôn, hoặc là một nhóm các phát ngôn được cụ thể hoá, hoặc các hoạt động kiểm soát nhằm tạo nên một tập hợp các phát ngôn. Nói chung, đối với Foucault, những quan điểm cách nhìn của chúng ta về thế giới đều bị điều kiện hoá bởi các diễn ngôn, các cấu trúc ngầm mà chính bản thân chúng ta không nhận thức về chúng. Xem, Michel Foucault, *The Archaeology of Knowledge & The Discourse on Language*, 80.

ngoài diễn ngôn của họ, những yếu tố được cho là trái ngược với văn mình như là: chậm phát triển, kém văn minh, u minh cần được khai sáng… Cứ như thế, họ đã dần loại bỏ và đàn áp tất cả những tiếng nói, quyền lợi của những người da đen, da màu, người bản địa, rồi đặt họ vào cảnh nô lệ. Họ xoá bỏ các nền văn hoá bản địa vì họ cho rằng nền văn hoá bản địa là không văn mình, kém phát triển. Như vậy, thái độ phê phán trong nhãn giới xã hội học là quá trình phân tích sắc bén, chạm tới các giới hạn của các cấu trúc vô hình để phá vỡ các cấu trúc ẩn chứa trong chúng những bất công.

Sử Tính Của Thuật Ngữ[7]

Trong lịch sử tư tưởng xã hội Phương Tây, thuật ngữ phê phán (critique) xuất hiện vào thế kỉ 15 - 16[8], có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp κριτικη. Động từ là κρινω: tách rẽ, phân biệt (separate, divide) để xem xét hay phân định, đánh giá. Như thế, từ phê phán trong tiếng việt tương ứng về nghĩa với từ "critique". Hậu cảnh của thuật ngữ này xuất phát từ thời kinh viện. Đây là thời kì mà tư tưởng phương Tây bị thống trị bởi cấu trúc suy tư theo logic hình thức - cái mà Kant gọi là giấc ngủ giáo điều (slumber sleep). Trong hệ hình suy tư đó, một quan niệm được xét là hữu lí phải phù hợp với các cấu trúc hình thức. Nếp suy tư này dần thấm sâu vào xã hội và tạo ra một khuôn mẫu định hình kinh nghiệm sống của con người. Để có thể được chấp nhận trong xã hội ấy, người ta phải tuân theo các quy tắc vô hình của cấu trúc hình thức. Michel Foucault gọi các quy tắc ấy là "nghệ thuật kiểm soát con người" (art of governing men).[9] Nó xuất phát từ lối sống nhiệm nhặt của các đan sĩ trong các đan viện dưới

[7] Người viết dựa vào lịch sử phương tây. Bởi vì những giới hạn cá nhân, người viết vẫn chưa có thể tìm ra bất kì nghiên cứu có hệ thống nào ở Việt Nam bàn về thuật ngữ này. Mặc dù, người viết tin rằng thái độ này tuỳ mức độ vẫn luôn hiện diện và vận hành trong suốt chiều dài lịch sử của nước ta.

[8] Michel Foucault, "What is Critique?" 42.

[9] Michel Foucault, "What is Critique?" 43 -47.

hình thức nhóm kín, và dần thấm nhập và chi phối đời sống công cộng (public life).[10] Lý do, vào thời kì xã hội Châu Âu bị phân mảnh bởi chiến tranh các đan viện trở thành các trung tâm văn hoá ảnh hưởng trên đời sống xã hội. Khi xã hội Châu Âu dần ổn định và định hình, các đan viện không còn có nhiều sự ảnh hưởng nữa. Quyền lực dần được chuyển nhượng sang cho các quyền lực thế tục. Và họ tiếp tục sử dụng "nghệ thuật kiểm soát con người" để quản chế xã hội. Dưới bầu khí bị kiểm soát đến mức ngột ngạt ấy, một thái độ không muốn bị kiểm soát (not to be governed) xuất hiện như một thái độ đối nghịch, phản kháng lại các nghệ thuật kiểm soát, "hạn chế phạm vi ảnh hưởng của chúng, biến đổi chúng, tìm kiếm một cách thức để thoát khỏi chúng."[11] Từ thái độ đối nghịch nó trở thành một kiểu mẫu suy tư mới đi ngược lại sự thống trị của các định chế, dẫn đến các hành động mới làm thay đổi hình thức tương quan trong xã hội, cũng như cách thức tồn hữu của con người. Thái độ nhận thức mới này được gọi là "thái độ phê phán". Từ một thái độ phản kháng đơn sơ, dần trở thành một trường phái phê phán xã hội (social criticism) vẫn còn hoạt động đến ngày nay (Frankfurt School). Tuy nhiên, khi đặt ra vấn đề về định nghĩa của thái độ này, thì ta lại vấp phải nhiều khó khăn bởi các tác giả khác nhau thổi vào thái độ này các sắc thái khác nhau.[12] Điều này cho thấy tính chất không thể định nghĩa, dễ thay đổi của thái độ này. Bởi lẽ nếu thái độ phê phán chấp nhận giới hạn mình vào một khái niệm nào đó, thì ngay lập tức nó trở thành đối tượng phê phán của chính nó. Vì vậy, thái độ phê phán không thể đứng trong chính nó, nghĩa là nó không thể tự tồn tại, nhưng luôn phụ thuộc vào đối tượng khác để hiện hữu. Phê phán luôn luôn là phê phán về một cái gì đó, chúng có thể là: các diễn ngôn, ý thức hệ, hệ hình tri thức (episteme)[13]… Phê phán

---

[10] Xem, Michel Foucault, *Discipline and Punish: The Birth of the Prision*. 141-152.
[11] Michel Foucault, "what is Critique?" 45.

[12] Judith Butler, "What is Critique? An Essay on Foucault's Virtue", 212-219.

[13] Judith Butler, "what is Critique? An Essay on Foucault's Virtue", 212-214.

không phải là một đối tượng cụ thể, nhưng nó luôn vận hành trong tất cả các đối tượng. Đó là lí do tại sao ta xác định nó như là một thái độ hơn là một bản chất. “Phê phán là một công cụ, một phương tiện mở đường cho tương lai, cho chân lí ở tương lai mà chính nó vẫn chưa biết là cái gì? Và cũng chưa biết cái gì sẽ xảy đến, nó vượt qua mọi ý thức hệ và lĩnh vực muốn khống chế nó, và nó thực sự không thể bị thao túng.”[14] Hiểu như vậy, thái độ phê phán không phải là một thái độ tiêu cực, nhưng nó là một nhân đức (virtue).[15] Đó là một thái độ vươn lên để thoát khỏi áp bức, để vươn đến tự do, để sáng tạo bản thân của mình để xác định cách thức tồn hữu của mình trong xã hội. Đó là nghệ thuật hiện hữu (the art of existence).

Các Đặc Điểm Và Vấn Đề Của Thái Độ Phê Phán Trong Lối Hiểu Tân Thời

Qua khảo sát sơ lược ở trên, người viết nhận ra một vài đặc điểm chính yếu trong quan niệm hiện nay về phê phán: (1) thái độ e dè, dửng dưng coi phê phán như là một thái độ tiêu cực cần phải loại bỏ để ổn định xã hội; (2) Xem phê phán như là một cộng cụ phê phán các định chế xã hội. Hiểu theo khía cạnh này, phê phán được coi như là phương tiện chính trị mang nặng hơi hướng công kích; (3) Phê phán là một nhân đức một nghệ thuật sống giúp định hình cách thức hiện hữu của chủ thể; (4) Phê phán đơn thuần là một thái độ, không phải là một bản chất, luôn nghi ngờ và tìm cách phá vỡ mọi cấu trúc. Thái độ cực đoan này có thể đưa ta đến với chủ nghĩa tương đối không chấp nhận chân lí, một nền tảng tối hậu, cũng như không thể tìm đến sự tương giao đích thực. Đâu là nền tảng cho ta dựa vào để phê phán? Ta phê phán vì cái gì và cho cái gì? Liệu rằng, Amos có giải quyết những vấn đề này không? Có gì giống

[14] Michel Foucault, “what is Critique?” 42.

[15] Michel Foucault, “what is Critique?” 43.

và khác nhau giữa Amos và quan niệm hiện đại về phê phán? Đâu là đặc tính ngôn sứ trong thái độ phê phán của Amos? Đây là vấn đề cần được lưu tâm trước khi đi vào sách Amos.

Thái Độ Phê Phán Nơi Amos

Trước khi phân tích thái độ phê phán nơi Amos, ta cần xem xét các cấu trúc ẩn tàng phức tạp tạo ra các đối tượng phê phán - các quan niệm thời bấy giờ - của Amos. Nghĩa là ta tìm về hậu cảnh lịch sử đằng sau các lời phê phán.

Bối Cảnh Lịch Sử Văn Hoá Xã Hội Thời Amos

Ngôn sứ Amos xuất thân từ Tơ-cô-a (Am 1:1), một ngôi làng nhỏ cách Giuđêa 10 Km về phía Nam. Sử liệu không cho ta biết rõ về gia thế của ngôn sứ. Không biết là vì thời gian đã chôn vùi khuôn mặt của ngôn sứ hay là chính bản thân ông đã chọn cách ẩn mình để cho thông điệp của Thiên Chúa được nổi bật? Một nét đặc trưng mà người viết nhận thấy nơi các ngôn sứ, là họ chọn cách ẩn mình để cho Lời Chúa trở nên nổi bật.[16] Người viết cũng thấy đặc điểm này nơi Amos, khi ông khẳng định rằng bản thân ông không phải là ngôn sứ. Ông chỉ là một người chăn chiên và chăm sóc cây sung. Nhưng Đức Chúa bắt lấy ông để ông nói những Lời của Ngài (Am 7:14-15). Có lẽ, cuộc sống của người chăn chiên hình thành phong cách sống của Amos. Ông phải di chuyển liên tục để tìm nguồn thức ăn cho đàn vật của mình. Nhờ vậy, mà ông được trang bị rất nhiều kiến thức về lịch sử địa lí của Giu-đa, Ít-ra-en và các nước láng giềng (Am 1:3-2:3). Đặc biệt, ông rất hiểu về lịch sử giao ước giữa Ít-ra-en và Thiên Chúa (Am 2:4, 8, 11; 3:1; 4:7, 9-11; 5:11). Về sứ vụ, chúng ta không có đủ dữ liệu để khẳng định rõ thời gian hoạt động của ngôn sứ. Kinh thánh chỉ cho ta biết rằng Amos bắt đầu sứ mạng ngôn sứ dưới thời Út-di-gia (791-749 BC) làm vua Giu-đa và Gia-róp-am II (793-753 BC) làm vua

[16] Jeff Niehaus, “Amos”, 15.

Ít-ra-en (Am 1:1). Qua chi tiết quan trọng này, ta chỉ có thể khẳng định rằng thời gian hoạt động là khoảng giữa thế kỉ thứ 8 BC, còn năm chính xác thì vẫn còn trong vòng tranh cãi. Một số học giả tin rằng Amos hoạt động vào khoảng những buổi đầu của năm 760 cuối thời cai trị của Gia-róp-am II[17]. Lý chứng mà các học giả dựa vào, đó là bức tranh về sự phồn thịnh được phác hoạ trong Amos tương hợp với lý chứng lịch sử và khảo cổ học.[18] Các học giả đồng ý rằng dưới thời thống trị của Gia-róp-am II, Ít-ra-en đã trải qua thời kì ổn định về mặt chính trị, và thịnh vượng về mặt vật chất. Do hoàn cảnh chính trị thuận lợi mà vua Gia-róp-am dần phục hồi lại các đường biên giới đã bị mất sau thời hoàng kim (golden age) của Ít-ra-en, từ Cửa Ải Kha-mát cho đến biển A-ra-va (2V 14:25). Bối cảnh quốc tế lúc này cũng khá ổn định. Các đế quốc lớn như Át-sua và Ai-cập vẫn chưa đủ mạnh để có thể gây ảnh hưởng lên vùng Levante. Tuy nhiên, các vua Át-sua cũng đã thực hiện các cuộc chiến gây áp lực trên đường biên giới giữa vương quốc A-ram và Át-sua như: cuộc tấn công của Shalamasnesar III (853 BC). Đặc biệt, cuộc tấn công của Adad-nerari III khiến A-ram yếu đi, tạo cơ hội cho Gia-róp-am II mở rộng bờ cõi về phía Bắc.[19] Bối cảnh trong nước, Ít-ra-en và Giu-đa cũng đã xây dựng được mối tương quan hảo hữu. Sự mở rộng lãnh thổ về phương Bắc không chỉ giúp Ít-ra-en gia tăng các vùng đất màu mỡ, nhưng còn chiếm được sự kiểm soát trên các con đường thương mại từ Syria qua các nước lân cận, và con đường mậu dịch lớn từ Ả-rập.[20] Nhờ vậy, Ít-ra-en dễ dàng mở rộng giao thương với các nước lân cận, đặc biệt là các nước phía Bắc. Do địa thế, thủ đô Sa-ma-ri trở thành trung tâm kinh tế phát triển thịnh vượng, có các biệt thự mùa đông, biệt thự mùa hè, điện ngọc đền ngà, lâu đài dinh thự (Am 3:15). Tuy nhiên, có lẽ thời

[17] Jeff Niehaus, "Amos", 316.

[18] Israel Finkelstein and Neil Asher Silberman, *The Bible Unearthed: Archaeology's New Vision of Ancient Israel and the Origins of its Sacred Texts*, 207.

[19] Vann D Rolfson, "The Syro-Ephraimite War: Context, Conflict, and Consequences," 87-92. See also Shalom Paul, *Amos: A Commentary on the Book of Amos (Hermeneia*), 1.

[20] Bernhard W.Anderson, *Understanding the Old Testament*, 256 -257.

gian ổn định và thịnh vượng thực sự chỉ xảy ra vào những năm cuối của triều đại Gia-róp-am II. Vì, sự thịnh vượng không thể xảy đến một cách bất ngờ, nhưng phải trải qua một quá trình bình ổn và xây dựng. Nên sự thịnh vượng được phác hoạ nơi Amos không thể rơi vào những năm đầu của triều đại Gia-róp-am II. Một chi tiết nữa giúp cho các học giả có thể khẳng định năm 760 là chi tiết sau trận động đất 2 năm (Am 1:1). Đây là trận động đất lớn đã được ghi lại.[21] Câu hỏi đặt ra, với một xã hội phát triển thịnh vượng như thế thì Amos phê phán cái gì? Có phải thái độ phê phán của Amos xuất phát từ việc xung đột lợi ích hay không? Có lẽ, Amos không phê phán vì lợi ích cá nhân. Qua các kiến thức lịch sử, địa lí, khả năng sử dụng văn chương mà Amos sở đắc cho phép ta nghĩ rằng ông là một nhà tri thức. Hơn nữa, thuật từ בַּנֹּקְדִים có gốc từ נֹקֵד,(nqd) được sử dụng để diễn tả công việc của Amos cho thấy ông không phải là một người chăn chiên bình thường. Trong toàn bộ cựu ước, thuật ngữ này chỉ được dùng một lần duy nhất để nói về vua Mê-sa, xứ Mô-áp là người nuôi chiên (2V 3:4). Có lẽ nqd không đơn giản chỉ là người chăn chiên bình thường, nhưng là một người sở hữu đoàn chiên lớn, một lãnh chúa hay là một địa chủ của một vùng. Theo lẽ đó, Amos có thể thuộc vào tầng lớp thượng lưu, hoặc ít nhất là người có tài sản lớn. Nếu lí luận rằng Amos phê phán vì xung đột lợi ích, thì có vẻ như là rất vô lí. Vì ông không thể nào bỏ một khối lượng tài sản lớn của mình ở phía Nam, mà ra miền Bắc xa xôi để phê phán dân Ít-ra-en. Làm như thế không mang lợi ích gì cho ông, ngược lại nó chỉ gây thiệt hại, thậm chí có thể khiến ông mất cả tính mạng. Vậy ông phê phán vì mục đích gì? Động lực nào thúc đẩy ông làm những việc bất lợi như thế?

[21] John Barton, *the Theology of the Book of Amos*, 316-317.

Tố Cáo Sự Bất Trung Của Dân Ít-Ra-En Với Thiên Chúa

Sau khi đất nước bị chia làm hai, tình hình chính trị xã hội giữa hai miền Nam và Bắc có sự phân hoá rõ ràng. Sự khác biệt này tồn tại bởi mỗi miền dựa trên hai ý thức hệ khác nhau. Người miền Nam vẫn tiếp tục duy trì giao ước nhà Đa-vít. Thiên Chúa đã kí kết giao ước với Đa-vít, và hứa rằng vương triều nhà Đa-vít sẽ được lưu truyền vững bền (2Sm 7; 1Sb 17: 11-14; 2Sb 6:16). Thực vậy, vương triều Đa-vít được truyền liên tục ở miền Nam cho đến thời bị lưu đày. Ngược lại, vương quốc miền Bắc được xây dựng bởi ý thức hệ "liên minh các thị tộc". Người dân tin rằng thần khí của Đức Chúa ngự xuống trên những bậc quân vương, và họ được tuyển chọn để cai trị đất nước. Cho nên, khác với miền Nam, ở miền Bắc các triều đại lần lượt thay thế nhau để cai trị đất nước. Dẫu vậy, cả hai miền vẫn có một niềm tin chung vào giao ước của Mô-sê. Amos đã đánh động vào niềm tin chung này khi ông nhắc lại các biến cố: Đức Chúa đưa Ít-ra-en ra khỏi Ai-cập, dân đi lang thang trong sa mạc, sau đó họ chiếm được miền đất của Ê-mo-ri (Am 2:10; 3:1-2). Điều này cho thấy rằng câu truyện Xuất hành của Mô-sê, và các giao ước của Đức Chúa được phổ biến trong lối suy nghĩ của Ít-ra-en. Các lời của Amos có thể trở nên vô nghĩa nếu như con người thời ấy không có chung niềm tin này. Như vậy, bối cảnh giao ước chính là hậu cảnh để ta hiểu các lời phê phán của Amos. Thực vậy, Amos đã xuất hiện trong tư cách là một vị sứ giả của giao ước.[22] Ông thường sử dụng công thức của người truyền sứ điệp như: Đức Chúa phán thế này (Am 1:3; 1:5); Sấm ngôn của Đức Chúa (Am 2:11) để nhấn mạnh rằng ông chỉ là người trung gian chuyển giao sứ điệp (sứ giả của Đức Chúa). Bối cảnh của sứ điệp được mở đầu bằng một viễn cảnh thần hiển (Am 1:2). Đức Chúa xuất hiện từ Xi-on để cảnh báo dân người (Am 1:2). יִשְׁאָג là tiếng rống của sư tử trước khi tấn công con mồi.[23] Điều này báo hiệu một sự nguy hiểm sắp xảy đến ở tương lai rất

[22] Jeff Niehaus, "Amos", 318.

[23] Jeff Niehaus, "Amos", 338.

gần. Trong cựu ước, thuật ngữ יִתֵּן קוֹלוֹ là một cách diễn đạt khác để biểu thị tiếng sấm.[24] Điều này cho thấy Đức Chúa gầm lên như sử tử sắp vô lấy con mồi, nạt nộ ầm vang như tiếng sấm để cảnh báo rằng tai hoạ sắp ập đến Ít-ra-en vì họ đã không trung tín với giao ước đã kí. Sự bất trung của Ít-ra-en được thể hiện rõ qua thể văn Amos đã sử dụng - thể văn này rất phổ biến trong nền văn hoá Cận Đông cổ đại, thường được dùng bởi các hoàng đế nhằm gửi các lời cảnh cáo và trừng phạt tới các chư hầu vì họ đã phá vỡ khế ước giữa hai bên. Mở đầu của thể văn là việc giới thiệu người khởi kiện. Trong Amos, người khởi kiện chính là Đức Chúa. Ngài xuất hiện như sư tử gầm vang (Am 1:2). Điều này hàm ý rằng giao ước đã bị xâm phạm. Ngài "rống" lên để đòi lại sự công bằng, và để gửi lời cảnh cáo cho Ít-ra-en. Sau đó, người đại diện đọc lại khế ước đã được kí kết giữa hai bên để vạch trần sự vi phạm của đối phương. Ở Amos việc nhắc lại các biến cố lịch sử là hình thức đọc lại giao ước (Am 2:10; 3:1-2). Sau đó, vị thẩm phán đưa ra các phán xét và những án phạt đi kèm theo vì các hành động vi phạm (Am 3: 11-15; 4: 6-11; 5: 16-17; 6: 8-14;). Đặc biệt, Amos thêm vào bản khởi kiện phần Đức Chúa mời gọi dân người quay lại với giao ước (Am 5: 4-7), và viễn tượng phục hưng khi người bị cáo biết quay lại và trung thành với giao ước (Am 9: 11-15). Điều này chứng tỏ rằng dẫu cho giao ước bị tác động, nhưng không bị phá vỡ hoàn toàn. Thực vậy, bầu khí của buổi xử kiện trong toàn bộ quyển sách Amos (Am 1: 3-5; 3: 1-5; 5:18-27) tạo nên một khung cảnh xét xử, trong đó Đức Chúa vừa là người khởi kiện (nguyên cáo), vừa là vị thẩm phán. Ít-ra-en chính là bị cáo và Amos chính là trạng sự đại diện người khởi kiện đứng ra tố cáo Ít-ra-en.

Tuy nhiên, Ít-ra-en đã phản bội giao ước như thế nào? Giao ước thể hiện mối tương quan mật thiết giữa Thiên Chúa với con người. Mức độ tương quan của giao ước thì sâu sắc và chắc chắn hơn tương quan khế ước vì nó mang chiều kích tình yêu hơn là lợi ích. Cho nên, nó

[24] Jeff Niehaus, "Amos", 338.

không dễ thay đổi. Giống như tình yêu của người mẹ đối với người con là mối tương quan giao ước. Nhưng xét về hình thức, giao ước có cấu trúc tương đồng như một khế ước. Đó là việc xây dựng một mối tương quan cộng tác giữa hai bên để cùng nhau hoàn thành một mục tiêu nào đó. Đức Chúa đã chọn Ít-ra-en như là dân riêng để (1) thờ phượng Ngài, và (2) làm cho vinh quang và sự tốt lành của Ngài tỏ lộ ra khắp muôn dân. Nhưng, Ít-ra-en đã phá vỡ mối tương quan cộng tác ấy qua việc vi phạm những khoản ước xét như là các điều kiện ràng buộc. Đức Chúa phán với Ít-ra-en rằng Ngài lập giao ước với Ít-ra-en, dân không được lập giao ước với dân cư nơi họ sắp chiếm đóng. Họ không được phủ phục trước một thần nào khác, vì Đức Chúa mang danh là Đấng ghen tuôn (Xh 34: 10-18). Ít-ra-en phải trở thành dân riêng của Đức Chúa, dân được tuyển chọn giữa các muôn dân (Xh 19:5; Am 3:2). Thế mà, họ đã "khinh thường luật pháp của Đức Chúa và không tuân giữ các thánh chỉ của Người. Vì những thần dối trá xưa cha ông chúng chạy theo đã làm cho chúng ra lầm lạc" (Am 2:4-5). Ít-ra-en đã chạy theo thần ngoại bang và thờ cúng ngẫu tượng. Kể từ khi đất nước bị chia đôi, người miền Bắc không thể dễ dàng xuống miền Nam để phụng thờ Đức Chúa theo luật định nữa. Bên cạnh đó, vì muốn kiểm soát dân chúng Gia-róp-am I đã hạn chế dân đi xuống Giê-ru-sa-lem để thờ lạy Đức Chúa. Ông đã lập nên hai đền thờ ở Bết Ên và Dan đánh dấu việc ly khai về mặt tôn giáo với Giê-ru-sa-lem, cổ võ việc tự do thờ phượng. Dân không cần tuân giữ những nghi thức phụng tự của Giê-ru-sa-lem nữa, vì vua đã thiết lập một hệ thống thờ tự mới (1V 12: 26-33). Cựu ước xem Gia-róp-am I như là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Ít-ra-en vì ông đã dẫn Ít-ra-en đi con đường lầm lạc, thờ lạy thần ngoại bang, phản bội Đức Chúa (1V 14:16; 1V 16:13; 2V 3:3). Ngoài ra, chính sách "mở cửa hội nhập" với các nước xung quanh dẫn đến não trạng tự do văn hoá, tự do thờ phượng trong tôn giáo. Đây chính là cơ hội cho các nền văn hoá ngoại lai, và các thần của chúng thấm nhập vào Ít-ra-en, tạo ra xu hướng tổ hợp tôn giáo

(syncretism)[25]. Amos kịch liệt phê phán xu hướng này. Ông sử dụng lối văn châm biếm để lên án Ít-ra-en. "[H]ãy đến Bết Ên mà phản bội, hãy đến Ghin-gan mà phản bội! Sáng hãy tiến hy lễ… Cứ đốt bánh men làm lễ tạ ơn" (Am 4:4-5). Amos không chỉ có ý định tố cáo thái độ giả hình, duy hình thức trong phụng tự, nhưng ông còn muốn phê phán việc sùng bái ngẫu tượng, não trạng tổ hợp tôn giáo, các hệ thống tế tự bị nhiễm bẩn bởi các nghi thức tôn giáo ngoại lai, cùng với các hình thức thờ phượng ngẫu tượng khác nhau được hoà lẫn trong các nghi thức thờ phượng Đức Chúa. Amos muốn tố cáo cả hệ thống thờ phượng của tầng lớp tăng nữ giả hình ẩn chứa đầy bất công. Họ thiết lập ra các nghi thức cúng kiến, nhưng lòng họ thì không có Đức Chúa. "Y phục người ta cầm cố, chúng nằm lên trên, ngay bên mọi bàn thờ, và rượu của người bị nộp phạt, chúng đem uống tại đền thờ Thiên Chúa của chúng (Am 2:8). Thực vậy, đền thờ được xây dựng ở nhiều nơi, các ngày lễ lạt được tổ chức lộng lẫy hoành tráng, thêm vào nhiều nghi thức phức tạp, nhưng lòng con người thì xa Đức Chúa (Am 5: 21-24). Thực trạng này chứng tỏ rằng có những quan niệm và những thực hành mà số đông nghĩ rằng chúng rất bình thường, nhưng sâu bên trong thì ẩn chứa đầy những bất ổn. Những gì diễn ra ở Ít-ra-en thời Amos có lẽ cũng rất đỗi bình thường đối với đa phần người dân. Họ vẫn tham dự lễ lạt, dâng các của lễ cho Đức Chúa như thông lệ. Họ rất yên tâm về những việc làm của họ. Nhưng qua thái độ phê phán, Amos đã phân tích, nhận định sắc bén để chạm tới các giới hạn và bất ổn của ý thức hệ lúc bấy giờ. Qua đó, ông nhận ra và phê phán sự bất trung của Ít-ra-en.

Tố Cáo Sự Bất Công Xã Hội

Ngoài ra, Ít-ra-en đã không làm sáng danh Đức Chúa. Sự tốt lành và vinh quang của Người đã bị che khuất trước mặt muôn dân bởi đời sống bất công và đồi bại của Ít-ra-en. Có

[25] Thần Ba-an của Phê-ni-xi cùng với nữ thần Át-tô-rét được du nhập và thờ phượng bởi cả Giu-đa lẫn Ít-ra-en. Xem, Nguyễn Ngọc Rao, *Lịch sử dân Thiên Chúa trong Cựu Ước*, 302-318.

thể nói, quy tắc nền tảng của giao ước là sự công bằng giữa hai bên. Công thức của giao ước: "phần Ta, đây là giao ước của Ta với người... Phần ngươi, hãy giữ giao ước của Ta, ngươi và dòng dõi ngươi… từ thế hệ này tới thệ hệ kia" (St 17:4-10). Ấy thế mà, một số người Ít-ra-en đã không giữ nguyên tắc cơ bản này. Họ đã biến lẽ phải thành ngải đắng, thành thuốc độc và vứt bỏ công bằng xuống đất đen (Am 5:6-7; 6:12). Đến nỗi, Amos đã thốt lên rằng Đức Chúa không cần các nghi lễ tế tự hình thức, Ngài chỉ muốn cho lẽ phải như nước tuôn trào, cho công lý như dòng suối không bao giờ cạn (Am 5:21-24). Điều này chứng tỏ rằng Ít-ra-en đã không sống công chính theo nguyên tắc cơ bản của giao ước. Theo Amos, Ít-ra-en đã phạm tội rất lớn. "Ta sẽ hạch hỏi các ngươi về mọi tội các người đã phạm." Để hiểu rõ "tội bất công" của Ít-ra-en là như thế nào, ta nên đặt Ít-ra-en trong bối cảnh tổng quát hơn. Trước khi sống định cư trên đất hứa, dân tộc Ít-ra-en đã sống đời sống bán du mục – dân đi lang thang trong sa mạc 40 năm. Mặc dầu cuộc sống trong sa mạc có rất nhiều khó khăn, nhưng ít có sự phân hoá bất công trong xã hội Ít-ra-en lúc bấy giờ. Vì đời sống du mục cần sự hỗ tương để có thể tồn tại trong các hoàn cảnh thiên nhiên khắc nghiệt, nên họ không có bất kì quyền lực trung tâm nào cả, cũng không có toà án xét sử. Họ sống trong mối tương quan ngang bằng vì tất cả đều phải dựa vào nhau để tồn tại. Lối sống hiếu khách và đời sống công bằng là nền tảng để duy trì và ổn định xã hội du mục.[26] Chúng là những quy tắc vàng được khắc sâu vào trong não trạng của người Ít-ra-en cổ. Tuy vậy, đã có một "sự tiến hoá" trong xã hội Ít-ra-en khi họ chuyển từ đời sống bán du mục qua đời sống định cư.[27] Cách thức tổ chức đời sống định cư khác với đời sống bán du mục. Cho nên, các quy luật công bằng xã hội cũng dần bị biến chất bởi lối sống mới. Theo đó, xã hội dần phân chia giai cấp do sự phát triển về kinh tế vật chất.[28] Các tư liệu

[26] Roland De Vaux, *Ancient Israel: Its Life and Institutions,* 3-4.

[27] Roland De Vaux, *Ancient Israel: Its Life and Institutions,* 68-70.

[28] Roland De Vaux, *Ancient Israel: Its Life and Institutions,* 72-74.

sản xuất dần được tập trung vào tay một nhóm người. Đặc biệt, việc thiết lập chế độ quân chủ dẫn đến sự xuất hiện của giai cấp quý tộc, những người họ hàng hay có mối tương quan tốt với vua quan được hưởng những đặc quyền đặc lợi. Họ dùng những quyền lợi đó để "bán người công chính để lấy tiền, bán kẻ nghèo khổ với giá một đôi giày, đạp đầu kẻ yếu xuống bùn đen, và xô người khiêm hạ ra khỏi đường lộ (biểu tượng cho quyền lợi và phương tiện sinh sống)" (Am 2:6- 7; 4:1). Họ lợi dụng quyền lực để tích luỹ cho mình những khối tài sản lớn do áp bức và cưỡng đoạt (Am 3:10). Họ lợi dụng luật để chuộc lợi cho mình. Họ không cần đến lẽ phải chỉ cần đến lợi ích cho mình. "Chúng ghét người sửa trị nơi cửa công và thù oán kẻ ăn ngay nói thật áp bức người công chính, lại đòi quà hối lộ, nào ức hiếp kẻ nghèo hèn tại cửa công"(Am 5:10-12). Cửa công được cho là nơi chân lí được biểu dương, nơi bảo vệ kẻ yếu, nhưng giờ đây nó lại trở thành nơi "để ăn quà hối lộ", "để áp bức kẻ yếu hèn". Hơn nữa, việc mở rộng lãnh thổ về phương Bắc càng mang lại cho giai cấp quý tộc nhiều đất đai của cải. Đất chiếm được thuộc về vua chúa, quan hầu. Họ cũng chẳng thèm để ý đến luật đất đai của cha ông. Với cha ông của Ít-ra-en, đất là món quà của Đức Chúa tặng ban. Vì vậy dân phải sử dụng cho hợp lẽ phải. Đất không thể đem ra buôn bán vì đất là của Đức Chúa, Ít-ra-en chỉ là khách ngoại kiều, là khách trọ mà thôi. Và Đức Chúa của Ít-ra-en luôn để ý tới đất ấy, từ đầu năm đến cuối năm (Lv 25:23; Đnl 11:12). Như thế, không có quyền sở hữu đất vào thời cha ông của Ít-ra-en. Nhưng tới thời Amos, nhóm quý tộc chiếm đất làm của riêng và biến đất thành các điền trang lớn, các biệt thự mùa đông, biệt thự mùa hè (Am 3:15). Bên cạnh đó, để có thể mở rộng bờ cõi, trai tráng phải bỏ lại gia đình, mẹ già, vợ, con thơ - nhóm người không có sức lao động, dễ bị tổn thương, bị áp bức - để tham gia quân đội. Cùng với tác động của chiến tranh, đôi khi mùa màng thất bát mà nhóm người này phải mắc nợ các địa chủ, rồi họ có thể bị ép phải bán đất. "Khốn thay những kẻ tậu hết nhà nọ đến nhà kia nối thêm ruộng này đến ruộng khác (Is 5:8)". Có lẽ, luật chuộc đất và hoàn đất cũng bị phá bỏ vào thời Amos. Như

vậy, để tồn tại những người khốn cùng phải đi làm thuê cho các địa chủ, và địa chủ đối xử với họ như những món hàng hoá rẻ tiền "bán kẻ nghèo khổ với giá một đôi giày (Am 2:6)". Bên cạnh đó, ta cần lưu ý rằng trước khi đạt đến sự ổn định và thịnh vượng vào thời Gio-róp-am II, Ít-ra-en đã trải qua thời kì chiến tranh loạn lạc do áp lực của đế quốc Át-sua từ phương Bắc, cũng như nội chiến thay triều đổi vị khiến cho đất nước bị điêu tàn, nạn đói lan tràn khắp nơi. Ta có nghe nói đến nạn ăn thịt người do nạn đói xảy ra trong 2V 6: 24-31. Có thể, ở giai đoạn này đã có một sự biến đổi lớn trong cấu trúc xã hội của Ít-ra-en, có thể các làn sóng di cư để tránh nạn đói khiến cho việc phân bố dân số không đồng đều. Một số nơi thì dân số tập trung quá nhiều, một số nơi thì đất canh tác bị bỏ hoang. Tầng lớp không có đất và phải sống dựa vào các địa chủ càng tăng cao. Hơn thế nữa, từ khi Ít-ra-en kiểm soát các con đường giao thương quốc tế, thì việc buôn bán với nước ngoài được đẩy mạnh, đặc biệt là việc xuất khẩu nông sản: nho và ô-liu. Các nhà khảo cô học cho biết: " Sức mạnh kinh tế ở Ít-ra-en trong triều đại của Gia-róp-am II được chứng minh bởi sự phát triển nông nghiệp và sự gia tăng dân số mạnh mẽ… các cuộc tìm kiếm khảo cổ học chuyên môn ở các vùng núi miền nam Sa-ma-ri đã cho thấy chứng cứ về sự mở rộng việc sản xuất dầu ô-liu chưa từng thấy bao giờ vào thời kì bạc (silver age). Vào thế kỉ VIII BC, chúng ta lần đầu tiên thấy các khu nông trường được xây dựng trên các vùng triền núi ở trung tâm vùng trồng trọt."[29] Và cũng có chứng cứ khảo cổ cho thấy việc buôn bán quốc tế được đẩy mạnh trong thời kì này.[30] Có lẽ, để đẩy mạnh kinh tế và có đủ sản phẩm cung cấp cho việc xuất khẩu, dân đen càng bị bóc lột nhiều hơn để phục vụ cho lòng tham của tầng lớp quý tộc (Am 3:10; 4:1; 5:11). Tầng lớp nhà giàu xây dựng ra hệ thống luật pháp, các thiết chế hầu giúp cho họ dễ dàng bóc lột, và che đậy sự dối trá của chúng (Am 5:8; 8:4-6). Họ hợp thức hoá việc thống trị vào các điều luật, các thiết chế, và các quan

[29] Israel Finkelstein and Neil Asher Silberman, T*he Bible Unearthed: Archaeology's New Vision of Ancient Israel and the Origins of its Sacred Texts*, 207.

[30] Israel Finkelstein, *Forgotten Kingdom: The Archaeology and History of Northern Israel*, 132.

niệm xã hội khiến cho nhiều người ảo tưởng về một sự phát triển phồn thịnh, thậm chí ngay người bị áp bức cũng tin rằng họ đang sống trong cuộc sống an toàn, văn minh phát triển. Nhưng tất cả chỉ là cuộc sống an toàn giả tạo được thiết dựng bởi những người cầm quyền (Am 6:1-7). Họ kể về các đại tự sự (meta-narratives), về các viễn tượng tốt đẹp ở tương lai, những diễn ngôn phát triển. Đáng trách hơn, họ dựa vào chính danh Thiên Chúa như là nền tảng của câu truyện nhằm che dấu những ý định xấu của tầng lớp cầm quyền: " Cứ đốt bánh không men làm lễ tạ ơn, và những lễ phẩm tự nguyện các ngươi dâng, hãy rêu rao cho người ta biết, bởi các người thích làm như vậy…(Am 4:4-5). Họ lợi dụng danh thánh Thiên Chúa qua các nghi thức thờ phượng để che đây các ý muốn của họ. Amos qua thái độ phê phán đã nhìn ra những mặt trái, và sự lấm liếm bất công của xã hội bấy giờ. Ông đã được Thiên Chúa gọi để phê phán, để lật đổ, để phá vỡ cấu trúc tội lỗi của xã hội. Những lời của ông làm cho tầng lớp lãnh đạo "không còn chịu nổi" (Am 7: 10). Đối với những người cho rằng họ đang đóng vai trò giữ cho xã hội được ổn định, thì Amos là kẻ chống đối, đả phá, không biết xây dựng. Tuy nhiên, tiếng nói của ông đã đánh mạnh vào nhận thức của người nghe, trở thành sức mạnh trực tiếp đối ngược lại tầng lớp lãnh đạo. Chính vì vậy, Amos đã xung đột với A-mát-gia và bị trục xuất khỏi Bết-ên. "Thầy chiêm ơi, mau chạy về đất Giu-đa, về đó mà kiếm ăn (Am 7:13)." Như vậy, qua Amos, ta có thể nhận thấy rằng, thái độ phê phán là một thái độ cần thiết trong ơn gọi ngôn sứ. Nó giúp người ngôn sứ có thể phân tích, đánh giá hiện trạng xã hội, để khám phá ra những bất ổn đã bị che khuất, mà thông thường con người không dễ dàng nhận ra. Tuy vậy, không phải lời phê phán nào cũng có tính ngôn sứ mặc dù thái độ phê phán của ngôn sứ có những đặc điểm tương đồng với thái độ phê phán xã hội (phxh). Việc so sánh 2 chiều kích của thái độ phê phán giúp ta nhận ra những đặc tính riêng biệt của chiều kích ngôn sứ.

Tái Khám Phá Tính Ngôn Sứ Của Thái Độ Phê Phán

(1) Cũng như các nhà ppxh, Amos không đồng ý với thái độ dửng dưng, coi phê phán như là thái độ tiêu cực cần phải loại bỏ để bình ổn xã hội. Ơn gọi làm ngôn sứ là một ơn gọi dấn thân vào các vấn đề xã hội, dám can đảm nêu lên những khuyết điểm của xã hội, dám phê bình những sai trái bất công cho dầu sự phê phán có thể ảnh hưởng đến đời sống riêng của mình. "Chúa Thượng đã phán, ai chẳng nói tiên tri?" (Am 3:8). Cho nên, người sống ơn gọi ngôn sứ phải trang bị cho mình thái độ phê phán thích đáng, kiến thức xã hội, và tính nhạy cảm với những vấn đề thời đại hầu có thể phân tích, mổ xẻ các vấn đề hiện tại, để đưa ra đánh giá, nhận định cho tương lai. (2) Tuy nhiên, khác với các nhà phxh, người sống thái độ phê phán trong chiều kích ngôn sứ có đời sống đức tin mạnh mẽ, sống mối tương quan giao ước mật thiết với Thiên Chúa và tha nhân. Nhãn giới của họ được bao trùm, được thẩm thấu, khuôn định bởi giao ước. Nói cách khác, họ nhìn thế giới và đánh giá các vấn đề của cuộc sống qua lăng kính giao ước. Trước khi mở miệng phê phán, họ phải có kinh nghiệm gần gũi với Thiên Chúa. Nói cách khác, họ được đụng chạm và linh hứng bởi chính Thiên Chúa. Như vậy, thái độ phê phán mang tính ngôn sứ không xuất phát từ ý muốn tuỳ tiện của con người, cũng không xuất phát từ những sự thúc đẩy trần thế mang tính con người, nhưng xuất phát từ chính Thiên Chúa. "Chính Đức Chúa đã bắt lấy tôi…" (Am 7:15). Vì vậy, những lời phê phán được phán ra từ miệng các ngôn sứ không chỉ là những lời phê phán xã hội đơn thuần, nhưng chính là Lời của Thiên Chúa (sấm ngôn của Đức Chúa, Đức Chúa Phán…). Như vậy, người ngôn sứ chỉ phê phán khi Thiên Chúa muốn. (3) Có lẽ, Amos đồng quan điểm với các nhà phxh rằng thái độ phê phán là một nhân đức, một nghệ thuật sống cần được tập luyện và trau dồi. Tuy nhiên, khác với họ, phê phán trong chiều kích ngôn sứ không phải là những lời phê phán nhằm tìm kiếm lợi ích cho bản thân mình, không phải là một nghệ thuật sáng tạo chủ thể, không phải là thái độ khao khát tự do cá nhân, không phải là một tiếng nói để xác định vị trí

của mình trong xã hội, càng không phải là những lời nói vì lợi ích của các nhóm đảng phái chính trị. Nó không mang tính cá nhân cục bộ. Đúng hơn, lời phê phán trong chiều kích ngôn sứ là lời nói đại diện cho Thiên Chúa, nói vì mọi người không loại trừ phân biệt. Đó là những lời thốt ra một cách vô vị lợi vì công ích, vì giao ước. (4) Các nhà phxh không chấp nhận một nền tảng vững chắc khi họ bắt đầu phê phán, bởi việc thiết lập nền tảng vững chắc là tự mâu thuẫn với thái độ phê phán, bởi nền tảng và cấu trúc luôn là đối tượng của phê phán xã hội. Cho nên, ta không thể tìm thấy một mối tương quan giao ước nơi thái độ phê phán xã hội. Với họ, tất cả sự đồng thuật chỉ dừng lại ở mức thoả hiệp tạm thời dựa trên một vài quy tắc tranh luận dân chủ. Như vậy, chiều kích phê phán xã hội chỉ chấp nhận mối tương quan hiệp ước mà thôi. Thái độ phê phán xã hội không chú trọng đến việc đúng hay sai, không có chân lí trong những lời phê phán, tất cả chỉ là những ý kiến và quan điểm, những cuộc tranh cãi không có hồi kết. Nếu có đạt tới sự đồng thuận, thì nó cũng chỉ mang tính tạm thời chóng qua. Hiểu theo chiều kích phxh thì thái độ phê phán quả thực là một loại vũ khí nguy hiểm. Vì đây là thái độ của chủ nghĩa tương đối. Nó bào mòn niềm tin của con người vào cuộc sống, cổ võ thái độ nghi ngờ thái quá, đưa con người tới tình trạng chênh vênh không điểm tựa. Ngược lại, thái độ phê phán theo chiều kích ngôn sứ chấp nhận giao ước như là nền tảng tối hậu. Giao ước là mối tương quan thân mật với Thiên Chúa, mối tương quan bất khả hủ hoá, luôn bền vững, dẫu cho có những tác động do sự lạm dụng và xâm phạm của con người. Thiên Chúa luôn là "Đấng trung thành cho đến muôn ngàn thế hệ, Ngài vẫn giữ giao ước và tình thương đối với ai yêu mến Ngài (Đnl 7:9)". Mối tương quan của giao ước không phải là mối tương quan thoả hiệp tạm thời, nhưng là mối tương quan tình yêu vĩnh cửu xuất phát từ Thiên Chúa. Nó tôn trọng chân lí và sự thật, xây dựng niềm tin, và cung cấp cho con người một điểm tựa vững chắc. Như vậy, mặc dù phê phán trong chiều kích ngôn sứ mang đặc tính đả phá, nhưng đả phá các giới hạn để phục hồi, để mở ra, để làm mới, để tái cấu lại giao ước, chứ không phải để phá

huỷ. “Hãy tìm Đức Chúa thì các người được sống” (Am 5:6). Như vậy, phê phán trong chiều kích ngôn sứ luôn hướng con người tới việc xây dựng cuộc sống công bằng, tốt lành để vinh quang của Chúa được tỏ lộ khắp muôn nơi.

Sống Thái Độ Phê Phán Trong Thời Đại Hôm Nay

Chúng ta vừa tái khám phá ra tính ngôn sứ nơi thái độ phê phán của Amos. Thực vậy, thái độ phê phán là một thái độ cần phải có trong ơn gọi ngôn sứ. Thái độ này thách thức lối suy nghĩ bàng quan, dửng dưng của não trạng cá nhân chủ nghĩa của thời hiện đại. Nó đòi buộc những ai đã được tham dự vào chức vụ ngôn sứ qua bí tích rửa tội phải mở miệng phê phán những thực trạng bất công của cuộc sống dưới nhãn quan giao ước. “Không có khái niệm về một ngôn sứ dửng dưng và trung lập. Đứng ở vị thế trung gian giữa Thiên Chúa và con người, ngôn sứ vô cảm là kẻ đánh mất căn tính của mình.”[31] Người ngôn sứ là người dám nói, dám phê phán những gì trái với đường hướng và giao ước của Thiên Chúa. Nhưng, ta phải sống thái độ ấy trong xã hội của chúng ta như thế nào? Rõ ràng bối cảnh sống của chúng ta rất khác với bối cảnh sống của Amos. Mặc dù bối cảnh khác biệt nhưng các vấn đề trong mối tương quan giữa con người vẫn luôn tồn tại qua mọi thời đại như: chiến tranh, đói nghèo, bất công xã hội, phân biệt chủng tộc,… đã xảy ra trong xã hội xưa và tiếp tục xảy ra trong xã hội hiện nay. Hơn thế, khả năng tự mở ra (self-opening), tự phóng vượt (self-transcending) được in sâu trong bản thể người cho phép chúng ta đi ra khỏi mình, khỏi những giới hạn lịch sử,[32] vượt qua những khoảng cách không gian thời gian, để hoà trộn vào những chân trời (fusion of horizons). Bên cạnh đó, tinh thần của sứ điệp có khả năng “tự thắng vượt” (Auf-

[31] Cao Gia An, “Dấn Thân Xã Hội, Chiều Kích Đặc Trưng Của Ơn Gọi Ngôn Sư,” 109.

[32] Karl Rahner, *the Love of Jesus and the Love of Neigbor*, 16-18.

heben). Một mặt tinh thần gắn liền với bối cảnh lịch sử, với chữ viết. Mặt khác, tinh thần siêu vượt trên những giới hạn lịch sử, con chữ, trở thành âm vang sống động (living voice) gợi hứng cho muôn thế hệ. Đó là lí do tại sao con người thời nay vẫn đọc Plato, Arsitotle bởi tinh thần cổ xưa vẫn còn vang vọng trong thời đại chúng ta. Chính vì lẽ đó, người viết tin rằng mặc dù có sự khác biệt, nhưng cơ bản thì những gì diễn ra ở thời Amos cũng đang xảy ra trong bối cảnh của chúng ta. Nhờ tinh thần phê phán của Amos, người viết nhận ra một vài vấn nạn trong thời đại của chúng ta - cả bối cảnh quốc tế lẫn bối cảnh Việt Nam.

Sự Phát Triển Kinh Tế Và Sự Bất Công Xã Hội

Sự bất công bị che phủ bởi diễn ngôn phát triển kinh tế. Chúng ta đang sống trong một thời đại cực kì thịnh vượng về mặt vật chất, sản phẩm được sản xuất ra cao hơn nhiều thế kỉ trước cộng lại.[33] Các thành phố Sa-ma-ri hiện đại mọc lên khắp nơi. Cuộc sống càng ngày càng phát triển và tân tiến. Tuy nhiên, đằng sau những sự phát triển là mặt trái của cuộc sống. Đằng sau các Sa-ma-ri lộng lẫy là những khu ổ chuột của người nghèo, đằng sau các biệt thự mùa đông, biệt thự mùa hè là những người vô gia cư không có mái lá để che thân. Dường như sự phát triển được miêu tả ở trên chỉ áp dụng cho một nhóm người nào đó mà thôi. Đằng sau diễn ngôn phát triển là sự xung đột giàu nghèo. Thực vậy, tầng lớp người giàu được hậu thuẫn bởi diễn ngôn về sự phát triển, còn những người nghèo dần bị loại ra, hoặc bị đàn áp một cách tinh tế bởi diễn ngôn ấy. Diễn ngôn về sự phát triển dần được gia cố bởi các cấu trúc xã hội, các thiết chế giáo dục, chính trị. Ở trong diễn ngôn đó, nhãn giới của con người bị giới hạn và thu hẹp vào những lợi kinh tế đến nỗi người ta không để ý đến đồng loại. Các dự án phát triển kinh tế của các nhóm lợi ích làm cho sự chênh lệch giàu nghèo càng nới rộng. Những người

[33] Phương Lựu, *Lí Thuyết Văn Học Hậu Hiện Đại*, 13.

nghèo, người dễ bị tổn thương bị đẩy ra bên lề xã hội, bị bỏ lại đằng sau, bị loại ra ngoài trò chơi của sự phát triển. Ước tính năm 2014 có khoảng 8.9% dân số thế giới không có đủ thức ăn. 690 triệu người đi ngủ vào mỗi buổi tối với cái bụng đói. Và con số này dự định sẽ tăng lên 840 triệu người vào năm 2023.[34] Tại sao người ta tuyên truyền rằng thế giới đang phát triển mà tỉ lệ chết đói một ngày một tăng lên như thế? Nguyên nhân cơ bản là do sự bất công trong việc phân phối tài nguyên mà Thiên Chúa đã trao ban cho con người. Các nguồn lực tài nguyên được khai thác và đưa về các trung tâm Sa-ma-ri hiện đại. Khẩu hiệu "đô thi hoá" hàm ẩn ý nghĩa là dồn tài nguyên về trung tâm đô thị. Mô hình của các tập đoàn kinh tế lớn là một minh chứng rõ ràng cho điều này. Họ thường đặt các nhà máy sản xuất của họ ở các nước đang phát triển bởi vì công nhân rẻ, tài nguyên nhiều. Sản phẩm sau khi được hoàn thành thì được đưa về chính quốc, còn các vấn đề ô nhiễm môi trường do hoạt động sản xuất thì chính người dân địa phương phải gánh chịu.[35] Có thể nói, đây là mô hình thực dân bọc lột kiểu mới. Nó được hậu thuẫn và hợp thức hoá bởi các thuật ngữ cao đẹp như: "sự toàn cầu hoá", "hợp tác cùng nhau phát triển…", và bởi những hiệp ước lợi nhuận của các nhà lãnh đạo quốc gia. Hơn thế, mô hình này tước đoạt nhân phẩm con người, coi con người như là hàng hoá có thể được định giá qua sức lao động, kĩ năng, kiến thức. Việt Nam chúng ta thuộc vào nước đang phát triển cho nên chúng ta không tránh khỏi sự bóc lột của mô hình này: hết dự án bô-xít Tây Nguyên, đến Formosa đã làm cho nhiều người dân phải điêu đứng, huỷ hoại môi sinh, rồi những vụ lùm xùm trong việc giải toả đất đai để xây khu đô thị mới ở Thủ Thiêm làm cho bao gia đình không có nơi ăn chốn ở. Tất cả những dự án đấy là những dự án nhằm phục vụ những người giàu. Đâu là những dự án cho những người nghèo? Người nghèo chẳng bao giờ có thể

[34] Xem, https://www.worldvision.org/hunger-news-stories/world-hunger-facts#:~:text=How%20many%20people%20are%20hungry,exceed%20840%20million%20by%202030. Truy cập 12/04/2021.

[35] Formosa ở Việt Nam là một minh chứng.

đặt chân vào những khu đô thị tráng lệ? Chỗ nào dành cho họ? Phải chăng là gầm cầu? Hay khu ổ chuột? Thiên Chúa dựng lên thế giới này đâu phải chỉ cho người giàu. Ngài dựng lên thế giới này cho tất cả.

Sự Khủng Hoảng Của Giao Ước

Chúng ta đang sống trong thời kì khủng hoảng của giao ước. Trước hết là cuộc khủng hoảng giao ước giữa Thiên Chúa với con người. Cuộc khủng hoảng này bắt đầu xuất hiện từ thế kể 15 với chủ nghĩa nhân bản (Humanism), lấy con người làm trung tâm và là thước đo các giá trị (anthropocentrism). Để đạt đới quyền tự trị tuyệt đối (autonomy), con người đã muốn loại bỏ Thiên Chúa ra khỏi thế giới này. Từ đây, lối suy nghĩ giải trừ Thiên Chúa dần thấm vào đời sống và tư tưởng của con người. Biểu hiện rõ nét của lối suy tư này là chủ nghĩa tục hoá (secularism). Tục hoá là một quá trình nhận thức mà các khái niệm về Thiên Chúa, về tính siêu việt của thực tại, về siêu hình bị loại trừ, hoặc bị khu biệt hoá vào lãnh vực riêng tư của tôn giáo. Thiên Chúa dần bị loại trừ khỏi không gian công (public Sphere), và trở thành một khái niệm rỗng không còn trọng lượng đối với đời sống con người. Thực vậy, chủ nghĩa tục hoá muốn xây dựng một thế giới không có Thiên Chúa. Trong thế giới tục hoá đó, con người cúi đầu thờ lạy những gì họ làm ra. Họ thờ lạy vật chất, ngẫu tượng, ngẫu thần thay vì thờ lạy Đấng đã sáng tạo ra họ. Con người thời nay cũng đến những Bết ên và Ghin-gan của thời hiện đại để phản bội. Ở đó, họ đã thờ thần Baan của hiện đại khi họ tôn thờ và xem sự phát triển kinh tế như là mục tiêu tối hậu của cuộc đời. Họ cũng có thể thờ lạy các thần khác là các chủ nghĩa (ism) mà họ sáng tạo ra để thay thế Thiên Chúa. Họ thờ lạy chủ nghĩa cá nhân (individualism): ở đó người ta tôn thờ cái tôi; chủ nghĩa cộng sản (communism): ở đó người ta tôn thờ thiên đường vật chất; chủ nghĩa hiện sinh: ở đó họ tôn thờ những giây phút hiện hữu ở thế gian này; hay là các phong trào tinh thần (Spiritism): thiền, yoga, các nghệ thuật tinh thần,

tâm lý, hay là việc pha tạp các truyền thông tinh thần khác nhau để kiếm tìm những cảm giác thăng hoa. Con người thời này cũng đang sống bất trung với Thiên Chúa.

Cuộc khủng hoảng giao ước kế tiếp là cuộc khủng hoảng giao ước giữa con người với con người. Phải công nhận rằng sự phát triển của khoa học kĩ thuật đã giúp ích rất nhiều cho đời sống con người. Những thành công lớn lao ấy là thành tựu chung của nhân loại. Và ngày nay, con người vẫn đang cùng nhau cố gắng vấn đấu để xây dựng cuộc sống. Bằng chứng là các con số của các tổ chức, các bản hiệp ước, hợp đồng cả trong nước lẫn quốc nhằm phát triển cuộc sống. Tuy nhiên, sự hợp tác giữa họ chỉ đặt trên những sự thoả hiệp tạm thời, không vững bền. Từ khi con người loại bỏ Thiên Chúa ra khỏi thế giới của họ, thì họ cũng từ chối luôn cái nền tảng tối hậu. Vì thế, con người không còn bất cứ nền tảng tối thượng nào để phán đoán đúng sai. Tất cả chỉ dựa vào một vài nguyên tắc tương giao uyển chuyển mang tính thực dụng (ví dụ nguyên tắc tôn trọng độc lập, dân chủ, sự khác biệt...). Cho nên, bây giờ con người đang sống trong giai đoạn nền tảng trở thành phi nền tảng, chân lí trở thành tương đối, giao ước trở thành lời hứa hay thoả hiệp tạm thời luôn có nguy cơ bị đổ vỡ. Do vậy, kinh nghiệm về sự trung tín, khả năng giữ lời cam kết của con người cũng bị bào mòn. Những biến cố lớn của 2020 và 2021 đã làm lộ ra những sự yếu kém của hình thức cộng tác dựa trên thoả hiệp. Đại dịch Covid phơi bày ra bản chất của cái gọi là sự hợp tác quốc tế vì con người, ví dụ các tổ chức quốc tế đã chậm trễ để đưa ra những cảnh báo kịp thời để chuẩn bị các phương án phòng chống; vì những lợi ích kinh tế mà người ta giấu giếm các thông tin, hiện tượng bài ngoại và phân biệt chủng tộc với người gốc Trung Quốc và Châu Á, sự ngờ vực mất niềm tin vào nhau, thuyết âm mưu… Cái gọi là "tình hữu nghị quốc tế" chỉ còn trên danh nghĩa mà thôi bởi nó được xây dựng trên các thoả ước lợi ích, chứ không phải là giao ước. Cho nên, khi có xung đột lợi ích xảy ra thì các thoả ước cũng dễ dàng bị phá vỡ. Hay cuộc bầu cử dân chủ của Mĩ trong

thời gian vừa qua cũng cho ta thấy sự rệu rạo của hình thức tương giao dựa trên thoả hiệp.[36] Việc người biểu tình xông thẳng vào toà nhà quốc hội đập phá cho thấy sự mỏng dòn của các mối tương giao dựa trên thoả hiệp. Toà nhà quốc hội là biểu tượng của nền dân chủ, của sự thoả hiệp mà con người đã đạt được. Hình ảnh các người biểu tình tiến vào toà nhà đập phá cho thấy rằng người ta không còn tôn trọng biểu tượng ấy nữa vì họ đã mất niềm tin vào các thoả hiệp mà họ đã tạo ra. Hay là biến cố Anh Quốc rời khỏi EU (Brexit) cũng cho thấy tính tạm thời của thoả hiệp.[37] Con người cần xây dựng một mối tương quan sâu thẳm hơn, vững bền hơn. Có lẽ, chúng ta chỉ có thể tiệm tiến dần đến sự vững chắc trong mối tương quan khi ta biết sống mối tương quan giao ước với Thiên Chúa và với tha nhân.

Người viết vừa phân tích một số vấn đề của xã hội hiện nay thông qua thái độ phê phán mang chiều kích ngôn sứ. Người viết tin rằng chính thái độ phê phán mà người viết học được từ Amos đã giúp cho người viết nhận ra một số vấn đề của xã hội hôm nay. Tất nhiên, thái độ phê phán này không phải là công cụ kĩ thuật mà người viết có thể trình bày nó thành từng bước để người đọc có thể bắt trước theo. Đúng hơn, thái độ này là một tinh thần sống một mặt mời gọi chúng ta dấn thân, trau dồi, phát triển, mặt khác chúng ta cũng được gọi mời để chính tinh thần này thao luyện, rèn luyện, và biến đổi bản thân chúng ta. Chỉ khi nào ta dấn thân nhập cuộc, thì ta mới hiểu tình thần này là gì. Và khi ta hiểu, thì ta lại càng muốn dấn thân hơn. Đó là tính biện chứng của tinh thần phê phán.

[36] Xem, https://www.theguardian.com/us-news/2021/jan/07/how-a-mob-of-trump-supporters-stormed-the-capitol-visual-guide. Truy cập 12/04/2021.

[37] Xem, https://www.bbc.co.uk/newsround/50166269. Truy cập 12/04/2021.

Kết Luận

Qua Amos, chúng ta thấy rằng phê phán là một thái độ quan trọng trong ơn gọi ngôn sứ. Tuy nhiên, trong lối suy nghĩ tân thời, người ta vẫn chưa nhấn mạnh đến thái độ này một cách đúng mức. Bên cạnh đó, tuỳ vào bối cảnh văn hoá, mà người ta hiểu thái độ phê phán trong cách thức khác nhau. Có nơi, người ta cho rằng thái độ này là thái độ tiêu cực cần loại bỏ. Nơi khác, người ta cho rằng nó chỉ là công cụ phê phán chính trị không hơn không kém. Bài viết ngắn này đã cố gắng phục hồi lại thái độ này, đặc biệt là tính ngôn sứ của nó. Người viết khám phá ra rằng tính ngôn sứ trong thái độ phê phán được thể hiện trong giao ước giữa con người với Thiên Chúa. Giao ước chính là nền tảng cho mọi hành động phê phán của ngôn sứ. Tuy nhiên, trong xã hội hiện này, đặc tính ngôn sứ trong thái độ phê phán đã bị chôn vùi, che khuất bởi những sự tham vọng vô tận và sự tha hoá của con người. Con người muốn thay thế Thiên Chúa, muốn xây dựng một thế giới mới không có Ngài, họ muốn thay vị trí của Thiên Chúa. Cuộc khủng hoảng giao ước đánh dấu sự đỗ vỡ tương quan giữa con người và Thiên Chúa. Từ đó, mọi mối tương quan mất đi chiều sâu và cao của chúng, cái còn lại chỉ là các mối tương quan bề ngang giữa con người mà thôi. Thái độ phê phán cũng bị tục hoá và mất đi tính ngôn sứ của nó. Nó trở thành một công cụ phê phán xã hội đơn thuần, được dùng để tìm lỗi, phê phán, tranh cãi, lên án người khác để tìm lợi ích cho bản thân. Nó mất đi tính hướng thượng, đó là đưa con người về Thiên Chúa, và về với giao ước của Ngài. Vì vậy, phục hồi lại tính ngôn sứ trong thái độ phê phán cũng chính quay về với giao ước của Thiên Chúa.

Thư Mục Tham Khảo

Anderson, Bernhard W. *Understanding the Old Testament*. New Jersey: Prentice-Hall, 1998.

Butler, Judith. "What is Critique? An Essay on Foucault's Virtue". In *The Political: Readings in Continental Philosophy,* edited by David Ingram, 212- 229. London: Basil Blackwell, 2002.

Barton, John. *The Theology of the Book of Amos*. Cambridge: Cambridge University Press, 2012.

Carroll R, *Mark Daniel. Contexts for Amos: Prophetic Poetics in Latin American Perspective*. England: Sheffield Academic Press, 1992.

Cao, Gia An. "Dấn Thân Xã Hội, Chiều Kích Đặc Trưng Của Ơn Gọi Ngôn Sứ." Trong *Hợp Tuyển Thần Học số 52*. Biên Hoà: Nxb: Đồng Nai, 2018.

Davis, Ellen F. *Scripture, Culture, and Ariculture: An Agrarian Reading of the Bible*. Cambridge: Cambridge University Press, 2009.

Đào, Duy Anh. *Việt Nam Văn Hoá Sử Cương*. Đồng Tháp: Nxb: Đồng Tháp, 1998.

Foucault, Michel. *The Archaeology of Knowledge & the Discourse on Language.* Translated by A.M.Sheridan Smith. New York: Pantheon Books, 1972.

——. "What is Critique?" In *The Politics of Truth,* edited by Sylvere Lotringer, 41-81. Translated by Lysa Hochroth & Porter. Los Angeles: Semiotext, 2007.

Finkelstein, Israel & Neil Asher Silberman. *The Bible Unearthed: Archaeology's New Vision of Ancient Israel and the Origins of its Sacred Texts*. New York: Touchstone, 2001.

Finkelstein, Israel. *Forgotten Kingdom: The Archaeology and History of Northern Israel*. Atlanta: SBL Press, 2013.

Niehaus, Jeff. "Amos". In *the Minor Prophets: A Commentary on Hosea, Joel, Amos,* edited by Thomas Edward McComiskey. Michigan: Baker Book House, 1992.

Nguyễn, Ngọc Rao. *Lịch sử dân Thiên Chúa trong Cựu Ước*. Sài Gòn: Học Viện Đa Minh, lưu hành nội bộ.

Paul, Shalom. *Amos: A Commentary on the Book of Amos (Hermeneia*). Minneapolis: Fortress Press, 1991.

Phương, Lựu. *Lí Thuyết Văn Học Hậu Hiện Đại*. Hà Nội: Nxb Đại Học Sư Phạm, 2012.

Rolfson, Vann D. "The Syro-Ephraimite War: Context, Conflict, and Consequences." *Studia Antiqua* 2, no. 1 (2002). https://scholarsarchive.byu.edu/studiaantiqua/vol2/iss1/11, 87-92.

Rahner, Karl. *The Love of Jesus and the Love of Neigbor*. Translated by Robert Barr. New York: Crossroad, 1983.

Vaux, Roland de. *Ancient Israel: Its Life and Institution*. Translated by John McHugh. London: Darton, LongMan & Todd LTD, 1961.